

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHOÁI CHÂU
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/HNGĐ-ST

Ngày 30 - 6 - 2025.

“V/v: Xin ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHOÁI CHÂU, TỈNH HƯNG YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyền.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Thế và bà Vũ Thị Tịnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Luật - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2025/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025 về việc *“Xin ly hôn, nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Hà Thị G**, sinh năm 1982.

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn S, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

2. *Bị đơn:* Anh **Lê Xuân T**, sinh năm 1974.

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn S, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Cháu **Lê Hải Đ**, sinh ngày 19/02/2014.

Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn S, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Giám hộ cho cháu Đ là anh T và chị G – Bố, mẹ đẻ.

4. *Người làm chứng:*

1/ Ông Lê Văn T1, sinh năm 1963.

Trú tại: Thôn S, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

2/ Cháu Lê Tú U, sinh năm 2001.

Trú tại: Thôn A, xã Đ, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

(Đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn

chị G trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị G và anh Lê Xuân T kết hôn trên cơ sở tự do tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tiến hành đăng ký kết hôn hợp pháp tại trụ sở UBND xã T (nay là xã N) vào ngày 12/01/2001. Sau khi kết hôn, chị G về nhà anh T ở thôn S, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên sinh sống cùng gia đình anh T, đến khoảng năm 2015 anh chị ra ở riêng xây nhà và đi làm ăn nhưng vẫn thường xuyên đi lại về địa phương. Anh chị chung sống được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, lối sống. Mặt khác, anh T là người thường xuyên chơi bời, không tu trí làm ăn, nhiều lần chị phải trả nợ cho anh T. Chị G đã khuyên nhủ rất nhiều nhưng anh T không nghe mà còn chửi bới, lăng mạ, đánh đập chị, làm chị vô cùng mệt mỏi và ức chế. Mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm khi anh Tam bán nhà do chơi bời nên cả hai đã sống ly thân nhau từ tháng 9/2024 cho đến nay, chị G thuê nhà ra chỗ khác ở còn anh T vẫn sống tại nhà ở thôn S, xã N. Kể từ đó đến nay hai anh chị không nói chuyện, không quan tâm đến nhau, việc ai người nấy làm.

Tại biên bản làm việc trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh T trình bày: Anh T thừa nhận điều kiện, hoàn cảnh kết hôn như chị G trình bày là đúng. Trong cuộc sống vợ chồng anh đôi khi cũng xảy ra mâu thuẫn do không tìm được tiếng nói chung. Hiện nay thì vợ chồng anh mỗi người ở một nơi. Nay chị G làm đơn xin ly hôn anh thì quan điểm anh là vẫn mong muốn hàn gắn tình cảm, nhưng nếu chị G vẫn cương quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý. Anh sẽ không đến Tòa án làm việc, do vậy đề nghị Tòa án cứ giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị G và anh T đều trình bày vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Tú U, sinh ngày 16/8/2001 và cháu Lê Hải Đ, sinh ngày 19/02/2014. Từ khi vợ chồng ly thân thì cháu Đăng lúc ở với chị G, lúc ở với anh T, hiện tại thì đang ở với anh T. Khi ly hôn, quan điểm của chị G là mong muốn được nuôi cháu Đ nhưng nếu anh Tam X nuôi cháu Đ thì chị cũng nhất trí. Quan điểm của anh T là xin được nuôi dưỡng cháu Đ đến khi cháu Đăng thành N, đủ 18 tuổi. Đối với cháu U, hiện đã trưởng thành, có gia đình riêng, không liên quan gì nên chị G và anh T đều không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Tại biên bản tự khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Lê Hải Đ trình bày: Cháu thấy bố mẹ hay xảy ra đánh cãi nhau, nếu bố mẹ ly hôn nhau thì cháu xin ở với bố.

Tại biên bản tự khai của người làm chứng cháu Lê Tú U trình bày:

Cháu là con gái của anh T và chị G. Trong thời gian cháu sống cùng bố mẹ thì cháu thấy bố mẹ thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh nhau. Nguyên nhân là do bố mẹ cháu không tin tưởng nhau trong mọi chuyện. Bố mẹ cháu đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi gần một năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay mẹ cháu xin ly hôn bố cháu thì quan điểm của cháu là tôn trọng quyết định của bố mẹ. Hiện cháu đã trưởng thành, không đóng góp gì về kinh tế cho bố mẹ nên không yêu cầu gì.

Về tài sản chung, công nợ chung, đất canh tác nông nghiệp 03, công sức đóng góp với hai bên gia đình: Chị G và anh T đều không yêu cầu Tòa án đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Tại biên bản ghi lời khai của người làm chứng ông Lê Văn T1 trình bày:

Ông là trưởng thôn S, chị G và anh T có kết hôn với nhau và sinh sống tại địa phương. Về mâu thuẫn cụ thể giữa chị G và anh T thì ông không nắm được, tuy nhiên ông thấy anh T và chị G sống không tình cảm, hay xảy ra cãi nhau. Hiện nay chị G, anh T không sống cùng với nhau, chị G đi đâu ở thì ông không biết, còn anh T vẫn ở nhà tại thôn S.

Tại biên bản xác minh, UBND xã N cung cấp: Anh T và chị G kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã N ngày 12/01/2001. Về mâu thuẫn giữa anh T và chị G thì địa phương không nắm được. Anh T và chị G có 02 con chung là Lê Tú U, sinh ngày 16/8/2001 và Lê Hải Đ, sinh ngày 19/02/2014. Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác địa phương không nắm rõ. Nay chị G làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh T thì quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn chị G đã có đơn xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có quan điểm xin được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khoái Châu phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Khoái Châu. Nguyên đơn chị G và bị đơn anh T đều vắng mặt, chị G có Đơn xin xét xử vắng mặt; anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do; người làm chứng cũng có quan điểm xin vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án nhân dân huyện Khoái Châu tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng là đúng quy định của pháp luật. Hoạt động thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục quy định. Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi, thủ tục tổ tụng tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng đã tuân theo pháp luật tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 229 của BLTTDS năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hà Thị G. Về con chung: Giao cháu Lê Hải Đ, sinh ngày 19/02/2014 cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên, đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác và công sức đóng góp với hai bên gia đình: không đặt ra xem xét giải quyết; chị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Hà Thị G có đơn khởi kiện đề nghị TAND huyện Khoái Châu giải quyết vụ việc xin ly hôn giữ chị và anh Lê Xuân T hiện trú tại Thôn S, xã N, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Căn cứ quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 BLTTDS năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Nguyên đơn chị G vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Người làm chứng có quan điểm xin vắng mặt tại phiên tòa và có quan điểm trình bày với Tòa án nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 229 BLTTDS năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị G và anh Lê Xuân T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào ngày 12/01/2001 là hoàn toàn hợp pháp, đã xác lập quan hệ vợ chồng được pháp luật công nhận. Anh chị chung sống được một thời gian nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống. Nguyên nhân là do anh T là người chơi bời, không tu trí làm ăn, nhiều lần chị G phải trả nợ thay cho anh. Chị G đã khuyên nhủ rất nhiều nhưng anh T không nghe mà còn chửi bới, lăng mạ, đánh đập chị. Mâu thuẫn lên đỉnh điểm khi chị G đã phải bán nhà để trả nợ cho anh T. Anh chị đã sống ly thân nhau từ tháng 9/2024 cho đến nay, vợ chồng không nói chuyện, không quan tâm đến nhau, việc ai người nấy làm. Vì vậy, chị G xác định tình cảm không còn từ lâu nên làm đơn xin ly hôn với anh T. Anh T cũng xác định tình trạng hôn nhân như chị G trình bày và có quan điểm nếu chị G kiên quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí ly hôn.

Từ những nhận định, phân tích nêu trên, xét thấy cuộc sống chung vợ chồng giữa chị G và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của chị G là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Nguyên vọng của anh T là xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Lê Hải Đ, điều này phù hợp với quan điểm của chị G và cháu Đ. Do vậy, cần giao cháu Đ cho anh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên, đủ 18 tuổi là phù hợp quy định tại điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn chị G có quyền thăm nom con chung, yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị G và anh T không yêu cầu, Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với cháu U, hiện đã trưởng thành, có gia đình riêng, không liên quan gì nên chị G và anh T đều không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung, đất canh tác nông nghiệp 03; công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình nội ngoại: Chị G và anh T đều

không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Tòa án không đặt ra giải quyết trong vụ án ly hôn này. Sau này chị G và anh T có yêu cầu sẽ khởi kiện để xem xét, giải quyết ở vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Căn cứ theo Điều 147 của BLTTDS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, thì chị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 229, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị G được ly hôn với anh Lê Xuân T.

Về con chung: Giao cháu Lê Hải Đ, sinh ngày 19/02/2014 cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên, đủ 18 tuổi. Cháu Lê Tú U đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị G và anh T không yêu cầu, Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn chị G có quyền thăm nom con chung, yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung, đất canh tác nông nghiệp 03; công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình nội ngoại: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau này nếu các bên có tranh chấp và yêu cầu Tòa án sẽ xem xét, giải quyết ở vụ án dân sự khác.

Về án phí: Chị G phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm chị G đã nộp theo biên lai thu số 0002560 ngày 13/5/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Khoái Châu, chị G đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Ân xử công khai sơ thẩm vắng mặt tất cả các đương sự. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Chi cục THADS huyện Khoái Châu;
- UBND xã Nguyễn Huệ;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

Trần Thị Tuyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Tuyên

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Khoái Châu;
- Chi cục THADS huyện Khoái Châu;
- UBND xã Nguyễn Huệ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Tuyên